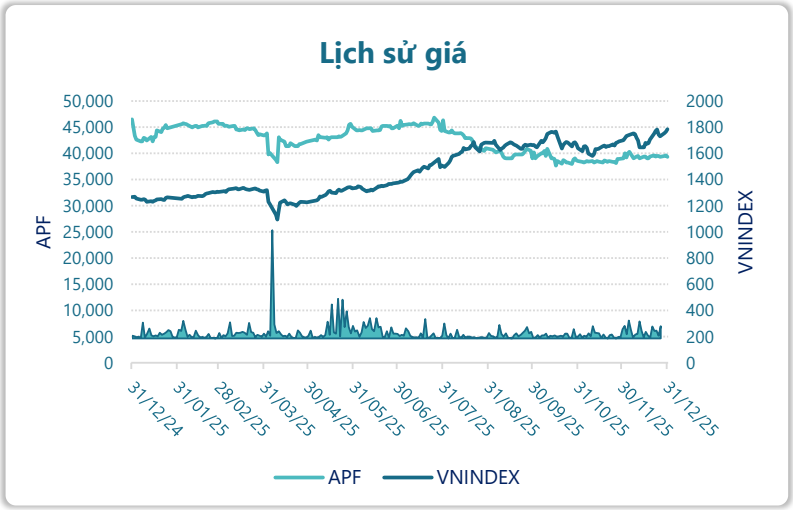
FireAnt

CTCP Nông sản Thực phẩm Quảng Ngãi (UPCOM: APF)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**40,300**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	46,832
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	37,661
SL cổ phiếu LH	32,747,339
KLGD BQ 20 phiên (CP)	7,195
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,320
P/E	8.3
EPS	4,873

DT thuần

Q4/25

2,159

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 781| 56.7%

YoY: ▲ 971| 81.8%

LN sau thuế

Q4/25

45.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 13.3| 41.9%

YoY: ▲ 22.6| 101%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

4.7%

+/- YoY: ▲ 0.4%

DT thuần

2025

6,584

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 22.0| 0.3%

LN sau thuế

2025

163

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 7.00| 4.3%

ROE

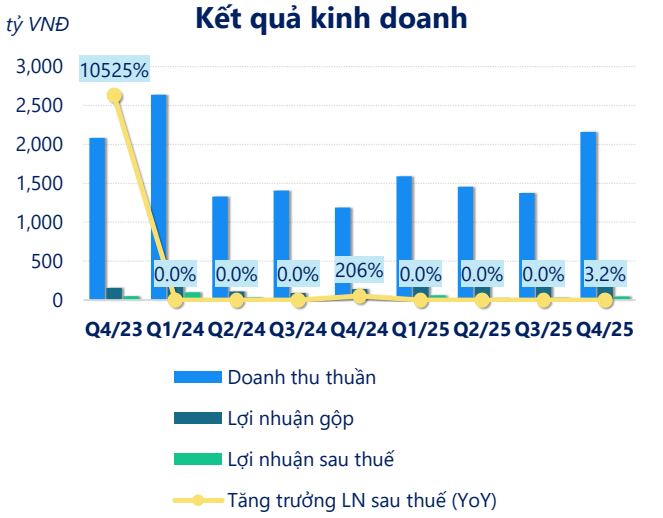
2025

13.3%

+/- YoY: ▼ 0.3%

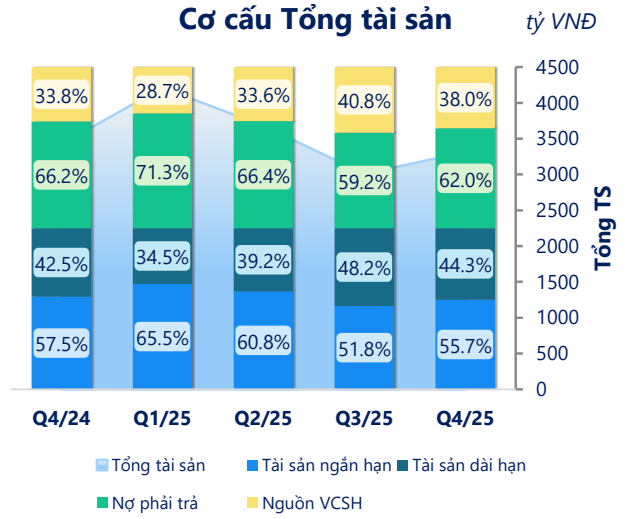
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



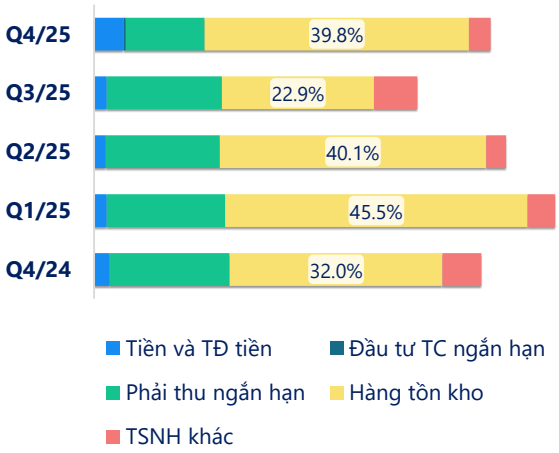
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



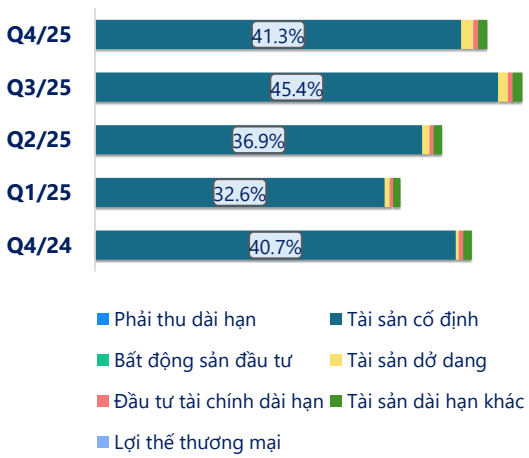
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



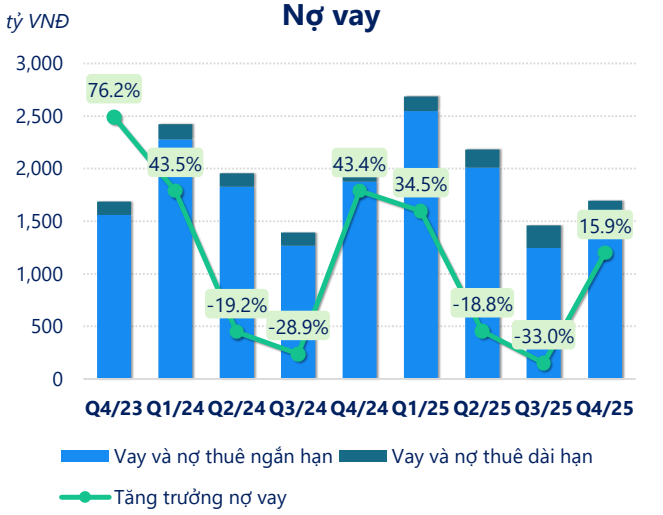
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



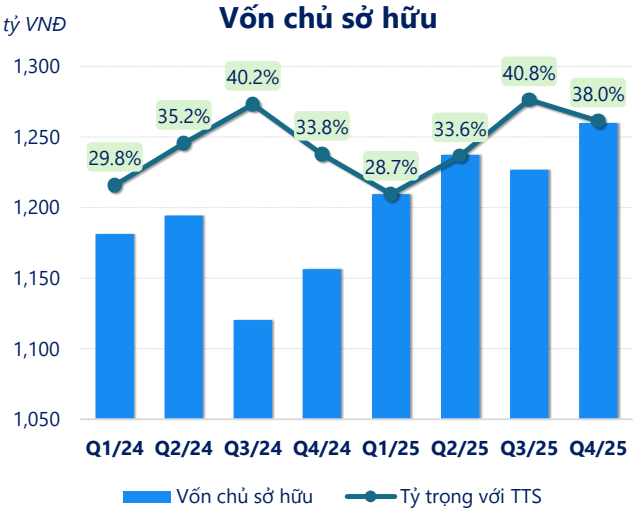
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



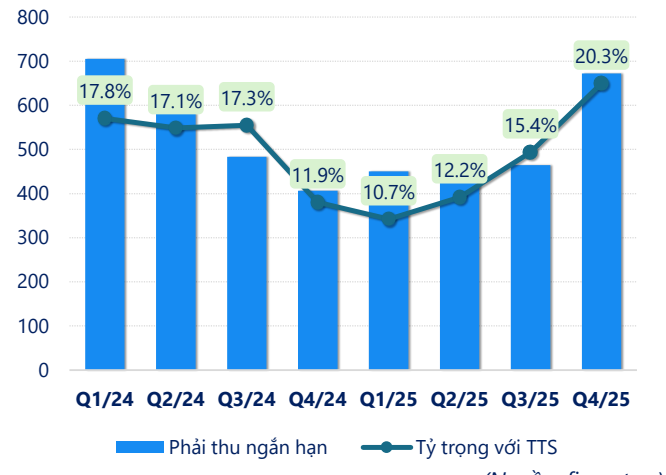
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



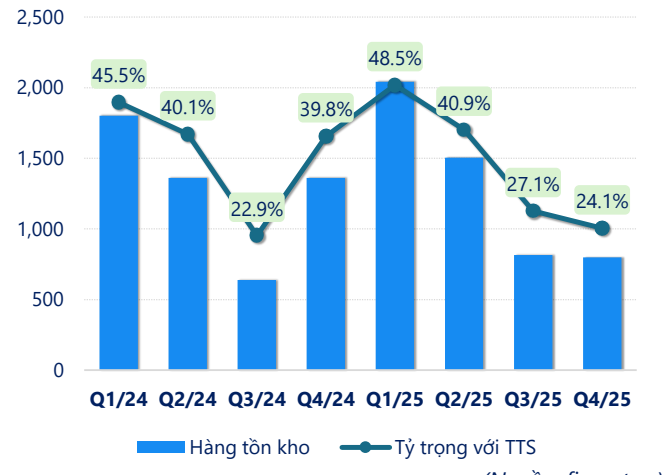
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



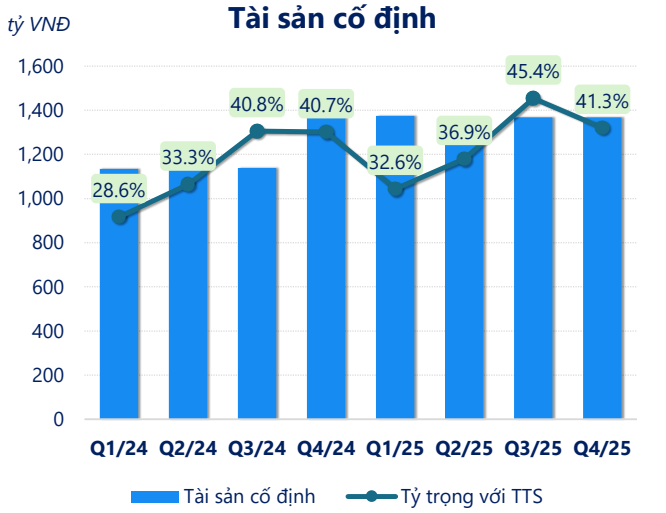
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



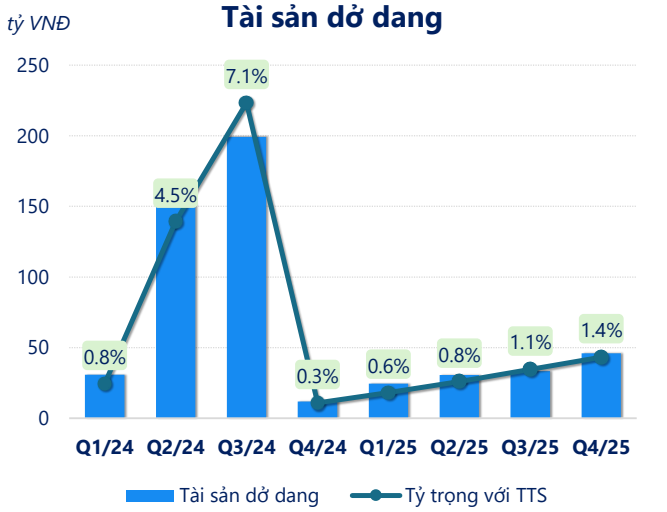
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



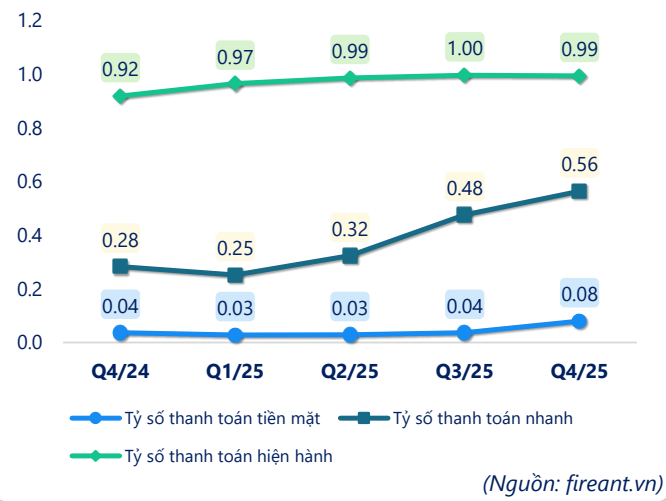
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



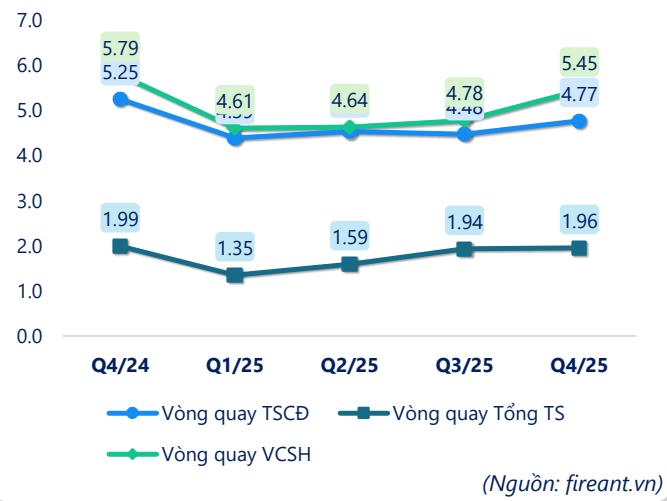
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**3,421**	**4,212**	**3,681**	**3,010**	**3,312**
Tài sản ngắn hạn	**1,966**	**2,761**	**2,239**	**1,558**	**1,845**
Tiền và tương đương tiền	78.8	80.1	64.7	57.3	148
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.0	40.0	40.0	52.0	52.0
Phải thu ngắn hạn	407	450	451	464	672
Hàng tồn kho	1,360	2,041	1,505	814	798
Tài sản ngắn hạn khác	111	149	179	170	174
Tài sản dài hạn	**1,455**	**1,451**	**1,442**	**1,452**	**1,467**
Phải thu dài hạn	1.21	1.32	1.34	1.35	1.35
Tài sản cố định	1,391	1,375	1,358	1,368	1,367
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	11.9	24.5	30.6	33.3	45.9
Đầu tư tài chính dài hạn	16.8	15.9	16.5	16.5	17.8
Tài sản dài hạn khác	33.6	34.6	35.6	32.9	34.5
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**2,265**	**3,003**	**2,444**	**1,783**	**2,052**
Nợ ngắn hạn	**2,141**	**2,861**	**2,271**	**1,565**	**1,857**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,875	2,545	2,010	1,245	1,501
Phải trả người bán ngắn hạn	95.6	153	104	162	196
Nợ dài hạn	124	142	173	218	195
Vay và nợ thuê dài hạn	121	139	170	216	193
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,156**	**1,209**	**1,237**	**1,227**	**1,260**
Vốn chủ sở hữu	**1,156**	**1,209**	**1,237**	**1,227**	**1,260**
Vốn điều lệ	298	298	298	327	327
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)